

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh chóng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị; Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026 về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Bộ Công an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tỉnh ủy Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh năm 2026;

Thực hiện Kết luận số 202-KL/TU ngày 11/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kết luận số 388-KL/ĐU ngày 08/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Văn bản số 789/TTr-SNNMT ngày 06/6/2026 và số 789A/TTr-SNNMT ngày 08/6/2026; Báo cáo thẩm định của Sở Tài chính tại các Văn bản số 533/BC-STC ngày 08/6/2026 và số 534/BC-STC ngày 08/6/2026; ý kiến tham gia của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 2115/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 07/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu đầu tư

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống đo đạc, bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Gia Lai theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu, đáp ứng cấu trúc dữ liệu quốc gia; kết nối, tích hợp, chia sẻ với CSDL quốc gia về đất đai, CSDL quốc gia về dân cư, Công dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan.

- Bảo đảm dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh được xây dựng, hoàn thiện theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”; đưa ngay dữ liệu đã hoàn thiện vào quản lý, vận hành, khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và quyền lợi hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý nhà nước về đất đai; đảm bảo giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai cho người dân và doanh nghiệp một cách minh bạch, nhanh chóng và chính xác; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử và chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Ứng dụng công nghệ thiết bị bay không người lái UAV theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHHCN và chuyển đổi số theo định hướng ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để giải quyết các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Gia Lai, trong đó có bài toán về quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

(1) Hoàn thiện việc đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai trong năm 2026 theo mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm toàn bộ các thửa đất trên phạm vi toàn tỉnh đều được tạo lập dữ liệu số, cụ thể:

- Đo đạc lập mới, đo đạc lại, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính đối với các khu vực thiếu bản đồ, bản đồ không bảo đảm chất lượng hoặc biến động lớn; cập nhật kết quả đo đạc vào CSDL đất đai đối với toàn bộ diện tích đất (đất ở, đất nông nghiệp, đất khác) trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Thực hiện đăng ký đất đai, lập và hoàn thiện hồ sơ địa chính; cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận theo nhu cầu và theo quy định, bảo đảm đồng bộ giữa bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận và CSDL đất đai.

(2) Ưu tiên áp dụng các phương pháp đo đạc hiện đại như: thiết bị bay không người lái (UAV/Drone); công nghệ định vị, dẫn đường bằng hệ thống vệ tinh toàn cầu GNSS ... có kết hợp đo đạc truyền thống cùng với sự tích hợp của trí tuệ nhân tạo (AI) để tăng độ chính xác, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, giảm thiểu nhân lực, tiết kiệm kinh phí và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

(3) Đưa CSDL đất đai vào quản lý, vận hành, khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về đất đai; cải cách và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử; phấn đấu đến hết năm 2026, 100% thủ tục hành chính về đất đai đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến.

(4) Hạ tầng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: Rà soát, thuê hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm, đường truyền, giải pháp an toàn thông tin, sao lưu dự phòng để vận hành CSDL đất đai tập trung, thống nhất theo nguyên tắc “1 tỉnh - 1 phần mềm quản lý”.

(5) Triển khai kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về đất đai; kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư theo Đề án 06 của Chính phủ và Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng theo cấp độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

II. Phạm vi, quy mô và nội dung đầu tư

1. Phạm vi triển khai

Dự án triển khai trên toàn bộ địa bàn tỉnh Gia Lai, tại 135 xã, phường sau sắp xếp đơn vị hành chính. Phạm vi bao gồm toàn bộ các thửa đất thuộc khu vực dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất chuyên dùng, đất tổ chức, đất công, đất giao thông, thủy hệ và các loại đất khác theo quy định.

2. Quy mô đầu tư

2.1. Hoàn thiện, duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác CSDL đất đai đã được triển khai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT

- Tổng số thửa đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai là **3.196.007 thửa đất**. Trong đó, đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho **2.232.507 thửa đất**, đạt 70%. Trong đó, tổng

số thửa đất đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” (dữ liệu nhóm 1) là **757.098 thửa đất**, tổng số thửa đất cần tiếp tục hoàn thiện (dữ liệu nhóm 2) là **1.475.409 thửa đất**, trong đó có **1.044.615 thửa đất** đủ điều kiện hoàn thiện lên nhóm 1; **430.794 thửa đất** không có dữ liệu không gian cần đo vẽ lập bản đồ địa chính.

- Tổng số thửa đất cần tiếp tục xây dựng CSDL đất đai là **963.500 thửa đất**. Công tác tiếp tục hoàn thiện, duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác CSDL đất đai đã được triển khai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT như sau:

a) Tổ chức duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác các thửa đất đã “đúng - đủ - sạch - sống” (Dữ liệu nhóm 1)

Đối với 757.098 thửa đất đã được xây dựng trong cơ sở dữ liệu đất đai và bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” (dữ liệu nhóm 1), tổ chức duy trì, quản lý và khai thác hiệu quả trên môi trường số, từng bước thay thế hoàn toàn phương thức quản lý thủ công bằng hồ sơ giấy sang quản lý điện tử tập trung, thống nhất trong hệ thống thông tin đất đai. Thực hiện cập nhật biến động đất đai kịp thời, đầy đủ ngay khi phát sinh các giao dịch, thay đổi về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thông qua giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực.

Đồng thời, đẩy mạnh việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu đất đai trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của cơ quan thuế, công chứng, ngân hàng và các cơ quan liên quan; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính và chất lượng phục vụ.

b) Làm giàu, làm sạch và hoàn thiện các thửa đất đã có trong CSDL nhưng chưa đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống” (Dữ liệu nhóm 2)

Đối với 1.475.409 thửa đất đã được tạo lập trong cơ sở dữ liệu nhưng chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” (dữ liệu nhóm 1), tổ chức rà soát, đối soát, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện thông tin. Nội dung thực hiện bao gồm:

i) Rà soát, phân loại thành các nhóm dữ liệu như sau:

- Nhóm thửa đất có thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chưa được thực hiện hoặc đối khớp không thành công với CSDL quốc gia về dân cư;

- Nhóm thửa đất chưa đủ các thành phần, nội dung theo quy định: Chưa có cần phải lập bản đồ địa chính mới hoặc chưa liên kết với dữ liệu không gian của thửa đất; Chưa có hoặc chưa liên kết với dữ liệu phi cấu trúc của thửa đất; Chưa phân loại và ký số các tài liệu quét của dữ liệu phi cấu trúc theo quy định; Chưa lập và ký số Sổ địa chính; Chưa đủ các trường thông tin bắt buộc theo quy định;

- Nhóm thửa đất chưa đúng về nội dung pháp lý, chưa phù hợp với hồ sơ, tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác lập.

ii) Đối khớp, xác thực thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

iii) Bổ sung, cập nhật đầy đủ các thông tin còn thiếu về loại đất, mục đích sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất, thời hạn sử dụng và các thông tin pháp lý có liên quan.

iv) Tích hợp dữ liệu và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu ở địa phương;

v) Đồng bộ dữ liệu lên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai ở Trung ương.

Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu phải bảo đảm đầy đủ ba nhóm dữ liệu gồm dữ liệu không gian địa chính (bản đồ, ranh giới thửa đất), dữ liệu thuộc tính (thông tin pháp lý, thông tin chủ sử dụng, đặc điểm thửa đất) và dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét, tài liệu pháp lý liên quan). Đồng thời, thực hiện xử lý các tồn tại bảo đảm mỗi thửa đất được quản lý thống nhất, đầy đủ, chính xác và có khả năng khai thác, sử dụng lâu dài.

2.2. Rà soát, hoàn thiện hạ tầng công nghệ và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh

c) Rà soát, hoàn thiện hạ tầng và phần mềm

Rà soát tổng thể hệ thống máy chủ, đường truyền, thiết bị an toàn bảo mật tại địa phương. Lựa chọn và sử dụng thống nhất một phần mềm quản lý đất đai trên toàn tỉnh, đảm bảo kết nối đồng bộ về Trung ương. Thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành CSDL đất đai tập trung, trong đó:

- Rà soát tổng thể hiện trạng máy chủ, máy trạm, thiết bị lưu trữ, thiết bị an toàn bảo mật, đường truyền, trung tâm dữ liệu, phương án sao lưu, phục hồi sau sự cố và năng lực vận hành hiện có của tỉnh.

- Lựa chọn phương án vận hành theo nguyên tắc “1 tỉnh - 1 phần mềm quản lý”, cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất, đáp ứng chuẩn kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDL quốc gia về đất đai; hạn chế tối đa tình trạng nhiều phần mềm, nhiều kho dữ liệu phân tán.

- Thuê vận hành và bảo trì hệ thống thông tin đất đai với thời gian 02 năm.

- Bảo đảm an toàn thông tin tối thiểu theo cấp độ được phê duyệt, định hướng đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin cấp độ 3 đối với hệ thống quản trị CSDL đất đai cấp tỉnh; có phương án phân quyền, kiểm soát truy cập, lưu vết thao tác, ký số gói tin đồng bộ, sao lưu dự phòng, giám sát, cảnh báo chất lượng dữ liệu.

- Triển khai giải pháp tích hợp với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Công dịch vụ công, cơ quan thuê, công chứng, dân cư, địa chỉ số, quy hoạch, xây dựng, tài chính và các hệ thống có liên quan theo lộ trình.

- Tổ chức đào tạo, chuyên giao, hướng dẫn sử dụng, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật và chuẩn hóa quy trình vận hành, khai thác, cập nhật dữ liệu cho cán bộ cấp tỉnh, Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh và UBND cấp xã.

2.3. Triển khai xây dựng CSDL đất đai đối với các thửa đất chưa có dữ liệu, hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai tỉnh Gia Lai

a) Hoàn thành công tác đo đạc mới, đo đạc lại và chỉnh lý bản đồ địa chính

- Bổ sung, khôi phục mốc địa chính (dự kiến 128 mốc) bằng công nghệ GNSS hoặc phương pháp đường chuyền, phương pháp lưới đa giác đảm bảo mật độ phục vụ phát triển Lưới không chế đo vẽ để đo đạc lại, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính.

- Lập mới, đo đạc lại bản đồ địa chính gắn với hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 dự kiến 963.500 thửa đất, với tổng diện tích dự kiến là: 197.594 ha.

- Đo đạc, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính gắn với hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 (trường hợp biến động đến 40% hoặc biến động trên 40% nhưng các thửa đất biến động không tập trung) với tổng số thửa dự kiến là: 453.260 thửa đất với tổng diện tích là 230.350 ha;

Áp dụng triệt để công nghệ thiết bị bay không người lái UAV, phối hợp với đo đạc trực tiếp để đo đạc, thành lập và chỉnh lý bản đồ địa chính. Ứng dụng công nghệ UAV để đo mới, đo lại và đo chỉnh lý bản đồ địa chính các tỷ lệ 1/500, 1/1.000, 1/2.000, 1/5.000 và 1/10.000. Phục vụ trực tiếp dự án Xây dựng, hoàn thiện hệ thống đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Khối lượng bay chụp UAV và thành lập bình đồ ảnh và bản đồ địa chính như sau:

STT	Tỷ lệ bản đồ	Diện tích bay	Diện tích đo mới bản đồ địa chính	Diện tích đo chỉnh lý bản đồ địa chính
		(ha)	(ha)	(ha)
1	Tỷ lệ 1:500	6.283	2.898	3.385
2	Tỷ lệ 1:1.000	72.510	33.687	38.823
3	Tỷ lệ 1:2.000	266.136	122.789	143.347
4	Tỷ lệ 1:5.000	69.208	24.412	44.796
5	Tỷ lệ 1:10.000	13.808	13.808	
	TỔNG CỘNG	427.944	197.594	230.350

b) Lập, hoàn thiện hồ sơ địa chính

Thực hiện kê khai đăng ký đất đai, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính; lập, chỉnh lý sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động; số hóa, ký số và liên kết hồ sơ theo thửa đất.

- Đăng ký đất đai ban đầu cho các hộ gia đình, cá nhân dự kiến 253.260 hồ sơ; tổ chức dự kiến 11.329 hồ sơ. Thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nhu cầu của người dân với các hồ sơ đủ điều kiện;

- Đăng ký biến động đất đai cho hộ gia đình, cá nhân dự kiến 43.053 hồ sơ; tổ chức dự kiến 100 hồ sơ. Thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nhu cầu của người dân với các hồ sơ đủ điều kiện.

c) Xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu đất đai

Nội dung xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai gồm các hợp phần sau:

- Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận: dự kiến 670.406 thửa.

- Chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính đã xây dựng trước ngày 01/8/2024 theo cấu trúc, kiểu thông tin và yêu cầu kỹ thuật mới: dự kiến 1.357.535 thửa.

- Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp thực hiện lồng ghép đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính: dự kiến 453.260 thửa.

- Rà soát, đối khớp thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất với CSDL quốc gia về dân cư; xử lý các trường hợp không đối khớp, sai lệch, thiếu số định danh cá nhân, thiếu thông tin tổ chức, thiếu địa chỉ theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Chuẩn hóa và liên kết 03 khối dữ liệu: dữ liệu không gian địa chính, dữ liệu thuộc tính địa chính, dữ liệu phi cấu trúc/hồ sơ quét; lập danh mục hồ sơ quét theo thửa đất, ký số tài liệu, bảo đảm khả năng tra cứu, khai thác và kiểm chứng pháp lý.

- Tạo lập mã định danh thửa đất duy nhất; kết nối với nền tảng địa chỉ số quốc gia và các hệ thống dữ liệu có liên quan; xử lý trùng lặp, sai lệch, chồng hờ bản đồ, thiếu liên kết giữa bản đồ và hồ sơ.

- Xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai; CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; CSDL giá đất; đồng thời chuẩn bị điều kiện xây dựng các cơ sở dữ liệu thành phần khác theo Luật Đất đai năm 2024.

- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, đồng bộ dữ liệu lên CSDL quốc gia về đất đai; thiết lập cơ chế duy trì, cập nhật biên động thường xuyên, liên tục, bảo đảm dữ liệu luôn “sống” theo quy định.

III. Nhóm dự án: Nhóm B

IV. Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án: 692.230.000.000 đồng.

(Sáu trăm chín mươi hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí trực tiếp: 661.103.712.478 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 10.068.880.253 đồng;
- Chi phí tư vấn: 18.064.242.771 đồng;
- Chi phí khác: 2.993.164.498 đồng.

V. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

1) Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương.

2) Khả năng cân đối nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương cân đối, bố trí trong kế hoạch trung hạn 2026 - 2030.

VI. Địa điểm thực hiện: Triển khai tại 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

VII. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Rà soát các hạng mục đầu tư bảo đảm tính cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tế, chịu trách nhiệm về các số liệu, dữ liệu đề xuất của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ, thủ tục theo quy định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan;


- Tập trung triển khai dự án nêu tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo hoàn thành dự án đúng tiến độ, chất lượng và không để thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước;

- Tổ chức quản lý, khai thác, vận hành và bảo trì tài sản hình thành từ dự án theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật thông tin, dữ liệu quản lý nhà nước về đất đai.


2. Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ phối hợp thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án và thẩm định theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp chặt chẽ, kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TC;
- Bộ NN&MT;
- Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BCD của tỉnh;
- CVP, PVP VX;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT, N₁, 4, V₉, 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh